

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi một số Điều của Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét Tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 29/BC-HĐND-KTNS ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi một số Điều của Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước, với nội dung như sau:

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 3 với nội dung như sau:

“2. Thẩm quyền quyết định mua sắm, sửa chữa (trừ sửa chữa trụ sở làm việc, công trình xây dựng) tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với:



- Tài sản thuộc danh mục phải áp dụng mua sắm tập trung cấp tỉnh theo quy định tại Chương VI, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Tài sản là quyền sử dụng đất, trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

- Xe ô tô và các loại phương tiện giao thông vận tải khác;

- Tài sản có nguyên giá trên 01 (một) tỷ đồng/01 đơn vị tài sản;

- Nội dung, danh mục dự toán mua sắm, sửa chữa tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có giá trị trên 01 (một) tỷ đồng;

- Nội dung, danh mục dự toán mua sắm, sửa chữa tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã có giá trị trên 02 (hai) tỷ đồng.

b) Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định đối với (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại điểm a khoản này):

- Nội dung, danh mục dự toán mua sắm, sửa chữa tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị có giá trị tối đa 01 (một) tỷ đồng;

- Nội dung, danh mục dự toán mua sắm, sửa chữa tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc có giá trị từ trên 200 (hai trăm) triệu đồng đến tối đa 01 (một) tỷ đồng.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện), trong phạm vi dự toán ngân sách đã được cơ quan có thẩm quyền giao, quyết định đối với (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b, khoản này):

Nội dung, danh mục dự toán mua sắm, sửa chữa tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc có giá trị từ trên 200 (hai trăm) triệu đồng đến tối đa 02 (hai) tỷ đồng.

d) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan tương đương; các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: các phòng, ban cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã):

Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao, quyết định mua sắm, sửa chữa các loại tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với nội dung, danh mục dự toán có giá trị tối đa 200 (hai trăm) triệu đồng (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này)".

2. Sửa đổi Điều 4 với nội dung như sau:

“Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

- Việc thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh đối với giá thuê tính cho cả thời hạn thuê (tính cho một hợp đồng) trên 100 (một trăm) triệu đồng;

- Việc thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã đối với giá thuê tính cho cả thời hạn thuê (tính cho một hợp đồng) trên 200 (hai trăm) triệu đồng.

b) Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan tương đương quyết định:

Việc thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ phục vụ hoạt động của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao đối với giá thuê cho cả thời hạn thuê (tính cho một hợp đồng) tối đa 100 (một trăm) triệu đồng.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định:

Việc thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ phục vụ hoạt động của các đơn vị thuộc địa phương quản lý, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao đối với giá thuê cho cả thời hạn thuê (tính cho một hợp đồng) tối đa 200 (hai trăm) triệu đồng.

2. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

Việc thuê tài sản đối với giá thuê cho cả thời hạn thuê (tính cho một hợp đồng) trên 200 (hai trăm) triệu đồng.

b) Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan tương đương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định:

Việc thuê tài sản phục vụ hoạt động của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao đối với giá thuê cho cả thời hạn thuê (tính cho một hợp đồng) tối đa 200 (hai trăm) triệu đồng (trừ việc thuê tài sản quy định tại điểm a, điểm c khoản này).

c) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan tương đương; các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

Trong phạm vi dự toán ngân sách được giao, quyết định việc thuê tài sản đối với giá thuê tính cho cả thời hạn thuê (tính cho một hợp đồng) tối đa 100 (một trăm) triệu đồng của cơ quan, đơn vị mình quản lý (trừ các tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản này)".

3. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 5 với nội dung như sau:



“a) Quyết định thu hồi theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Tài sản công là quyền sử dụng đất; nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

- Xe ô tô và các loại phương tiện giao thông vận tải khác;

- Các loại tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 01 (một) tỷ đồng/01 đơn vị tài sản;

- Các loại tài sản công do ngân sách tỉnh đầu tư mua sắm hoặc cấp bằng hiện vật ngoài dự toán ngân sách được giao hằng năm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã”.

4. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 6 với nội dung như sau:

“a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, quyết định điều chuyển:

- Quyền sử dụng đất; nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

- Xe ô tô và các loại phương tiện giao thông vận tải khác;

- Các loại tài sản công có nguyên giá trên 01 (một) tỷ đồng/01 đơn vị tài sản;

- Tài sản công khác giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.”

5. Sửa đổi Điều 7 với nội dung như sau:

“Điều 7. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, quyết định bán tài sản công sau đây của các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

a) Quyền sử dụng đất; nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

b) Xe ô tô và các loại phương tiện giao thông vận tải khác;

c) Máy móc, thiết bị và các loại tài sản công khác có nguyên giá trên 01 (một) tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan tương đương quyết định bán:

a) Tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá từ trên 200 (hai trăm) triệu đồng đến tối đa 01 (một) tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này);

b) Tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình quản lý có nguyên giá tối đa 200 (hai trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này)”.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán:

Tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá từ trên 200 (hai trăm) triệu đồng đến tối đa 01 (một) tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này).

4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan tương đương quyết định bán:

Tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình quản lý có nguyên giá tối đa 200 (hai trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này).

5. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán:

Tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình quản lý có nguyên giá tối đa 200 (hai trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này)”.

6. Sửa đổi Điều 8 với nội dung như sau:

“Điều 8. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan:

a) Quyết định thanh lý trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều này);

b) Quyết định thanh lý xe ô tô và các loại phương tiện giao thông vận tải khác (trừ xe mô tô, xe gắn máy);

c) Quyết định thanh lý các loại tài sản công có nguyên giá trên 01 (một) tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý: Các loại xe mô tô, xe gắn máy.

3. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan tương đương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý:

a) Trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc phạm vi quản lý phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng hoặc các trường hợp khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá từ trên 500 (năm trăm) triệu đồng đến tối đa 01 (một) tỷ đồng/01 đơn vị tài sản,



sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều này);

c) Tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá tối đa 500 (năm trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều này).

4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cơ quan tương đương; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

Quyết định thanh lý tài sản công của cơ quan, đơn vị mình quản lý có nguyên giá tối đa 200 (hai trăm) triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này)".

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2020.

Các nội dung khác không sửa đổi thì tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Phước./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TTTU, TT HĐND, UBND, BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.



Huỳnh Thị Hằng